

Số: 2430/SNN-TTKN
V/v ban hành Hướng dẫn Quy trình
kỹ thuật trên một số đối tượng
vật nuôi trên địa bàn tỉnh

Trà Vinh, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thị xã, Thành phố.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Để giúp cho nông dân kịp thời nắm bắt những tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào canh tác sản xuất, phát triển kinh tế một cách bền vững. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng bộ tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trên vật nuôi. Sau khi tổ chức lấy ý kiến của ngành và địa phương, đã chỉnh lý hoàn chỉnh bộ tài liệu.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bộ tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật của 04 loại vật nuôi trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

- Tài liệu số 01: Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chăn nuôi heo rừng lai
- Tài liệu số 02: Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật nuôi chim cút
- Tài liệu số 03: Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật nuôi gà ác
- Tài liệu số 04: Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật nuôi thỏ

(Tài liệu được đăng tải trên Trang Thông tin Điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn <http://snnptnt.travinh.gov.vn>).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị quý cơ quan, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tiến hành phổ biến, hướng dẫn bộ tài liệu này cho người dân áp dụng.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy nội dung của bộ tài liệu chưa phù hợp, cần chỉnh sửa, bổ sung, đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh để chỉnh lý cho phù hợp. /

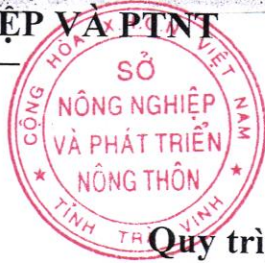
Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, TTKN.

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Đông



HƯỚNG DẪN

Quy trình kỹ thuật chăn nuôi thỏ

(Kèm theo Công văn số 2430./SNN-PTNT ngày 20 tháng 12 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh)

I. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC

Thỏ là loài gia súc khá nhạy cảm và dễ có phản ứng cơ thể với những điều kiện thay đổi của môi trường bên ngoài như nắng, mưa, ẩm độ, nhiệt độ, thức ăn, nước uống, tiếng ồn và các ô nhiễm môi trường khác.

Trọng lượng trưởng thành: Giống thỏ nội đạt trọng lượng 2,6-3,2 kg, giống thỏ ngoại đạt trọng lượng 4-5 kg, thân nhiệt 39,5⁰C.

Tuổi động dục lần đầu từ 60-70 ngày tuổi, chu kỳ động dục 10-16 ngày, độ dài động dục 3-5 ngày, thời gian mang thai trung bình từ 28-32 ngày, tiết sữa 28-40 ngày. Trọng lượng cai sữa 650-700 g.

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG

1. Đặc điểm một số giống

1.1 Thỏ Newzeland trắng

- Đặc điểm ngoại hình: Có toàn thân màu trắng, lông dày, mắt đỏ như hòn ngọc.

- Chỉ tiêu năng suất: Trọng lượng sơ sinh 50-60 g, trọng lượng trưởng thành 4,5-5 kg. Tuổi phối giống lần đầu 5-6 tháng, đẻ 7-8 lứa/năm, 6-7 con/lứa. Phù hợp với mục đích lấy thịt.

1.2 Thỏ Californian

- Đặc điểm ngoại hình: Có đặc điểm lông trắng nhưng tai, mũi, chân có những điểm lông đen.

- Chỉ tiêu năng suất: Trọng lượng trưởng thành 3,6-4,5 kg với con đực và 3,8-4,7 kg đối với con cái. Tuổi phối giống lần đầu là 4,5 tháng, đẻ 5 lứa/năm, 5-6 con/lứa. Phù hợp với mục đích lấy thịt.

1.3 Thỏ Chinchilla

- Đặc điểm ngoại hình: Có lông màu xanh, lông đuôi trắng pha lẫn xanh đen, bụng màu trắng xám đen.

- Chỉ tiêu năng suất: Trọng lượng trưởng thành 4,5-5 kg. Giống thỏ này đẻ trung bình từ 6-8 con/lứa. Thích nghi với nhiều điều kiện chăn nuôi khác nhau. Phù hợp với mục đích lấy thịt.

[Handwritten signature]

1.4 Nhóm thỏ Việt Nam

- Đặc điểm ngoại hình: Do lai tạo giữa nhiều giống khác nhau, nên đã có nhiều ngoại hình và tầm vóc khác nhau, phần lớn có màu lông khoang, lang hay đốm, trắng, vàng đen, xám riêng màu lông ở phần dưới bụng, ngực, đuôi có màu xám nhạt hơn hoặc màu xám trắng.

- Chỉ tiêu năng suất: Trọng lượng trưởng thành 2,6-3,2 kg. Tuổi phối giống lần đầu là 4,5-5 tháng tuổi, đẻ 7-8 lứa/năm, 4-11 con/lứa. Phù hợp nuôi lấy thịt.

III. CHỌN GIỐNG

1. Theo phả hệ

- Dựa vào sổ sách, lý lịch được ghi chép lại các thế hệ trước (ông bà, cha mẹ, anh chị,...) chủ yếu căn cứ khả năng sinh sản và sinh trưởng. Chọn những đàn thỏ mẹ có tỉ lệ thụ thai trên 70%, đẻ 6-7 lứa/năm, mỗi lứa bình quân đạt 6-7 con. Tỉ lệ sống đạt 80% trở lên và tăng trọng bình quân 30 g/con/ngày.

2. Theo cá thể:

- Về ngoại hình: Phù hợp với đặc điểm giống, nhanh nhẹn, lông bóng mượt và dày, to con, dài đòn, ngực sâu và nở, lưng rộng, mông, đùi nở nang, cơ quan sinh dục phát triển cân đối và hoàn chỉnh. Tứ chi khoẻ mạnh và không dị tật.

- Khả năng sinh trưởng: Chọn những con có trọng lượng sau cai sữa đạt 500-600 g, hậu bị đạt từ 2,6-2,8 kg/con (phù hợp với đặc điểm con giống).

- Loại bỏ những con sinh sản kém, gầy yếu,...

IV. CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Chuồng trại

1.1 Vị trí

- Hướng chuồng theo hướng Đông Nam.

- Chọn nơi cao ráo, dễ thoát nước, thuận tiện cho việc di chuyển, yên tĩnh, ít có người, gia súc qua lại.

1.2 Vật liệu

Thường có thể làm chuồng bằng sắt, gỗ bào lán và sơn để dùng được lâu tiện cho việc vệ sinh chuồng. Vách lồng bằng những song sắt, gỗ hoặc đóng lưới để tiện vệ sinh, chăm sóc.

1.3 Kỹ thuật xây dựng các kiểu lồng

Có thể phân thành các loại sau: Lồng nhốt riêng từng con, lồng thỏ cái nuôi con, lồng thỏ nuôi thịt. Tùy theo điều kiện có thể dùng kiểu lồng 1, 2 hay 3 tầng, nếu dùng lồng nhiều tầng thì tiết kiệm được diện tích.

* Lồng nhốt riêng từng con

Thường dùng cho thỏ đực giống và thỏ cái có thai hoặc thỏ cái chưa phối. Diện tích từ 0,6-1 m²/con tùy giống.

* Lồng thả cái nuôi con

Phải đảm bảo nuôi được 01 thỏ cái và 10 thỏ con cho đến khi cai sữa. Diện tích từ 0,8-1,5 m²/con.

* Lồng thả nuôi thịt

Diện tích lồng thả cho 10 thỏ thịt, có 0,7 m x 1,5 m x 0,5 m (chiều ngang x chiều dài x chiều cao). Lồng phải đồng nhất nhau về kích thước để tiện việc bố trí và sắp xếp trong nhà nuôi thỏ.

- Đáy lồng chuồng:

Nhẵn, phẳng, êm, có khe hở, lỗ thoát phân và nước tiểu dễ dàng.

- Vách ngăn và cửa:

+ Vách ngăn mục đích là ngăn thỏ ở một ô vị trí nhất định, vật liệu làm vách cũng giống như vật liệu làm sàn.

+ Cửa chuồng: Không cần rộng chỉ đủ di chuyển thỏ sang lồng và nên làm chắc chắn và dễ thao tác.

+ Sàn lồng: Cách mặt đất khoảng 50 cm.

- **Nền:** Làm bằng xi măng, có độ dốc và rãnh thoát phân, nước tiểu để tiện vệ sinh.

- Máng ăn và máng uống:

+ Máng thức ăn thô xanh: Có thể làm bằng gỗ, tre hay các thanh sắt. Chiều dài máng phụ thuộc kích thước của lồng và số thỏ nuôi, rộng 20 cm và chiều cao 3-4 cm.

+ Máng thức ăn tinh: Bằng sành, gỗ, kim loại hoặc xi măng hình khối hộp chữ nhật dài 35-40 cm, rộng 10-12 cm, cao 5-7 cm.

+ Máng uống: Bằng sành, thủy tinh, nhựa,... cao 8-10 cm, rộng 10-15 cm.

+ Ổ đẻ: Hình hộp có kích thước dài 50 cm, rộng 35 cm, cao 25-35 cm có nắp đậy, đáy ổ lót cỏ khô, rơm có lỗ thoát nước tiểu.

1.4 Xử lý chất thải

Ủ phân bằng phương pháp sinh học, biogas khi nuôi thỏ trên chuồng sàn để xử lý chất thải.

2. Thức ăn trong chăn nuôi thỏ

* Các loại thức ăn

- Thức ăn thô xanh như: cỏ lông tây, rau muống, bắp cải,...

- Thức ăn củ quả như: lúa, bắp, khoai lang,...

- Tận dụng nguồn phụ phẩm nông nghiệp như: bã đậu nành, lá khoai mì,...

- Ngoài ra có thể bổ sung thêm thức ăn hỗn hợp, lúa nảy mầm, bánh dầu,...

ngoc

*** Nhu cầu về nước**

- Thỏ có nhu cầu về nước khoảng 0,4-0,6 lít/ngày. Tùy thuộc vào lứa tuổi và các thời kỳ sản xuất khác nhau:

+ Thỏ vỗ béo - hậu bị giống: 0,2-0,5 lít/ngày.

+ Thỏ mang thai: 0,6-0,8 lít/ngày.

+ Khi tiết sữa tối đa: 0,8-1,5 lít/ngày.

3. Chăm sóc nuôi dưỡng

3.1 Nuôi thỏ thịt

- Đảm bảo yêu cầu thỏ tăng trọng nhanh, tiêu tốn thức ăn thấp và cho chất lượng thịt tốt.

- Thông thường thỏ con được cai sữa khoảng 30-35 ngày và ta có thể nuôi thêm từ 55 ngày đến 65 ngày nữa là có thể bán thịt đạt yêu cầu về kinh tế, do giai đoạn sau đó thì thỏ đã chậm lớn.

- Giai đoạn sau cai sữa thường bị rối loạn tiêu hoá do ăn thức ăn và nước uống không vệ sinh, thỏ con dễ chết do mua từ nơi khác đem về, chưa quen với điều kiện thức ăn và nơi ở mới. Cần tránh cho thỏ ăn cỏ quá non làm tiêu chảy.

- Để tăng trọng nhanh cần bổ sung thức ăn hỗn hợp.

- Trong giai đoạn sắp bán thịt cần tăng bổ sung thức ăn bột đường như lúa, khoai mì, khoai lang, thức ăn hỗn hợp và giảm bớt đạm trong khẩu phần. Một tuần trước khi bán thịt nên giảm bớt thô xanh và tăng thức ăn tinh và bột đường sẽ làm thịt thỏ săn chắc và ngon hơn.

3.2 Nuôi thỏ sinh sản

*** Chọn thỏ đực**

- To con, đầu to vừa, ngực, mông và vai to, lưng rộng, chân sau to, mạnh dạn và hăng hái.

- Phải đạt tiêu chuẩn về trọng lượng qui định cho mỗi giống thỏ.

- Phối được nhiều thỏ cái và đạt tỉ lệ thụ thai cao, tỉ lệ trung bình trên 70%.

- Không chọn thỏ đực quá mập hay quá gầy. Thường 1 thỏ đực có thể phối cho từ 9-12 thỏ cái. Tuổi thỏ đực có thể sử dụng từ 8-10 tháng.

*** Chọn thỏ cái**

- To con nhưng không quá mập, dài và rộng ngang nhất là phần mông, đầu tương đối nhẹ, lông mượt mịn.

- Căn cứ vào hình dáng bên ngoài thì khó chọn được thỏ cái tốt vì thế cần chọn những con thỏ cái mà mẹ nó là những con thỏ tốt. Ví dụ như sai con (>6 con/lứa), nuôi con tốt (con mau lớn và ít chết).

nguồn

* Chọn thỏ con làm giống

- Chọn những thỏ con có cha mẹ tốt, chọn những con nhanh nhẹn làm thỏ giống, những con thỏ làm giống có thể cai sữa muộn hơn khoảng 6 tuần tuổi thay vì 3-4 tuần.

- Khi thỏ được 4 tháng thì tách riêng từng con và nuôi trong một lồng riêng, đánh số thỏ giống để phân biệt, lập phiếu kiểm soát sinh trưởng và sinh sản của thỏ cái và thỏ đực.

3.3 Chăm sóc nuôi dưỡng thỏ cái sinh sản

- Phối giống 8 tháng tuổi đối với thỏ đực, 6 tháng tuổi đối với thỏ cái. Thường ở các trại giống thì thỏ cái sinh sản là 8 tháng và thỏ đực là 10 tháng.

- Thời gian sử dụng thỏ giống tùy thuộc vào số con thỏ cái đẻ và tình trạng sức khỏe thỏ cái. Nếu thỏ cái đẻ 5 lứa/năm thì có thể sử dụng trong vòng 3 năm, tùy theo tình trạng sức khỏe và khả năng sinh con, sau đó vỗ béo bán thịt.

* Biểu hiện lên giống

- Khó xác định thời kỳ lên giống của thỏ cái. Tuy nhiên có thể dựa vào một số triệu chứng như thỏ nằm duỗi ra trong lồng, móng chổng lên hơi cao. Âm hộ hơi sưng to lên, màu niêm mạc của âm hộ có màu hồng. Trong một số trường hợp có dịch nhờn chảy ra. Có những con chạy tới chạy lui, cắn cỏ, cắn máng.

* Thời điểm phối giống

- Vào lúc sáng sớm hoặc chiều mát. Bắt thỏ cái bỏ nhẹ nhàng vào trong lồng thỏ đực, không nên bắt thỏ đực bỏ vào trong lồng thỏ cái do có thể làm cho thỏ đực hoảng sợ với môi trường mới không chịu phối.

- Khi nhảy được thỏ cái, thỏ đực sẽ kêu lên một tiếng và ngã sang bên cạnh là đạt. Để đạt tỉ lệ đậu thai cao nên cho thỏ phối từ 1-2 lần/ngày.

* Chăm sóc thỏ cái giai đoạn mang thai

Thời gian mang thai của thỏ cái là 30 ngày, có thể sớm hoặc trễ hơn 1-2 ngày. Sau khi phối giống nên đặt thỏ ở một nơi yên tĩnh, kín đáo và sau 15 ngày thì khám thai. Sau đó thì cho thỏ vào lồng rộng hơn, có nước uống thường xuyên, có cỏ đầy đủ và thêm thức ăn bổ sung, bột cá, bánh dầu.

Bảng 1. Khẩu phần thức ăn

Loại thỏ	Các loại thức ăn (g/ con/ ngày)			
	Hỗn hợp	Thô xanh	Củ quả	Thức ăn khác
Nái mang thai	150-200	450-500	150-200	50
Nái nuôi con	200-250	600-800	200-300	70-100

mytrac

* Kiểm soát thỏ cái có thai

Việc khám thai được thực hiện ngày thứ 15. Cách khám thai được tiến hành như sau: Thực hiện sờ bằng tay cụ thể là bắt thỏ cái đặt nhẹ nhàng lên trên mặt phẳng nhám, tay phải nắm lỗ tai và vai thỏ, tay trái đặt dưới mình thỏ giữa 2 chân sau và trước vùng xương chậu, đặt ngón cái 1 bên và 4 ngón còn lại một bên, lướt nhẹ nhàng từ trước ra sau, nếu gặp 1 cục tròn nhỏ như sâu chuối là thỏ có thai (nên phân biệt với phân thỏ nằm gần xương sống và trực tràng).

* Chuẩn bị cho thỏ đẻ

- Dựa vào ngày phối giống mà chuẩn bị ổ đẻ. Trước khi đẻ, thỏ mẹ sẽ cắn lông ở bụng và lót vào ổ. Thỏ đẻ nhanh và tự ra nhau thai, theo dõi để lấy nhau thai chôn đi.

- Cho thỏ sơ sinh bú rất quan trọng, nếu thực hiện cẩn thận và kết quả thỏ con bú đầy đủ sẽ nâng cao số con còn sống sau cai sữa. Phải theo dõi và cho bú đầy đủ theo nhu cầu (thỏ con bú đầy đủ sẽ ngủ yên và da căng bóng, trường hợp thiếu sữa thỏ sẽ cựa quậy nhiều và da nhăn, gầy còm).

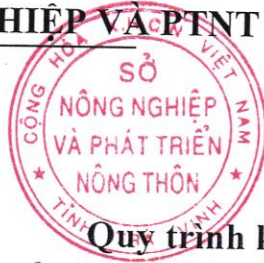
- Thỏ con mở mắt sau 9-13 ngày tuổi, ta có thể tập ăn tại lồng bằng rau xanh và các loại thức ăn bổ sung có chất lượng. Thỏ cai sữa từ 30-35 ngày tuổi./.

ngheeb

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Thị Kim Đông, 2006. *Giáo trình chăn nuôi thỏ*. Trường Đại học Cần Thơ.
2. Đinh Văn Bình, 2003. *Tài liệu kỹ thuật chăn nuôi Thỏ*. NXB Nông Nghiệp.
3. Youtube VTV16.
4. Nguyễn Thị Hồng, 2014. *Kỹ thuật nuôi Thỏ*. NXB Thanh Hoá.

Nguyễn Thị Hồng



HƯỚNG DẪN

Quy trình kỹ thuật chăn nuôi heo rừng lai

(Kèm theo Công văn số 2430/SNN-PTNT ngày 20 tháng 12 năm 2020
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh)

I. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC

Heo rừng lai có thân hình đẹp, da dày, bụng gọn, chân cao, đi đứng trên 8 móng chân rất nhẹ nhàng, nhanh nhẹn. Khi mới sinh ra hầu hết có màu lông nâu vàng có những sọc vàng hoặc trắng vàng dọc hai bên sườn và lưng. Các vết sọc này thường mất dần sau khi heo được trên 4 tháng tuổi.

Heo thành thực sinh dục vào 7-8 tháng tuổi, trọng lượng đưa vào phối giống 30-40 kg, chu kỳ động dục trung bình 21 ngày, thời gian mang thai trung bình 114 ngày. Heo có khả năng sinh sản từ 8-10 heo con/lứa.

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG

1. Heo rừng Thái Lan

- Nguồn gốc: Xuất xứ Thái Lan.

- Đặc điểm ngoại hình: Thân hình thon gọn, mõm dài, tai dựng đứng, ở má có vết lông màu trắng chạy vắt qua mũi. Lông bờm màu đen đậm mọc từ gáy dọc theo sống lưng cho đến mông, màu lông đen hoặc nâu. Đuôi nhỏ, ngắn, chân heo rừng nhỏ thon, móng nhọn.

- Chỉ tiêu năng suất: Heo rừng trưởng thành nặng trung bình: đực 100-120 kg, cái 90-100 kg. Tuổi bắt đầu phối giống lúc 7-8 tháng. Một năm đẻ 1,2-1,3 lứa. Số con đẻ ra/lứa từ 8-10 con, có khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu Việt Nam.

2. Heo rừng lai

- Nguồn gốc: Là con lai giữa heo rừng đực với heo nái địa phương, có sức đề kháng mạnh, khả năng chịu đựng kham khổ với môi trường sống tự nhiên cao.

- Đặc điểm ngoại hình: Heo rừng lai dài đòn, lưng thẳng, bụng thon, di chuyển linh hoạt, da lông có màu hung đen hay xám đen.

- Chỉ tiêu năng suất: Heo đực trưởng thành nặng 50-60 kg, heo cái trưởng thành nặng 40-50 kg. Tuổi bắt đầu phối giống từ 7-8 tháng. Một năm đẻ 1,2-1,3 lứa. Số con đẻ ra/lứa từ 8-10 con, nuôi con khéo.

Handwritten signature

III. CHỌN GIỐNG

- Dựa vào sổ sách, lý lịch được ghi chép lại các thế hệ trước (ông bà, cha mẹ, anh chị,...) chủ yếu căn cứ khả năng sinh sản và sinh trưởng.
- Chọn những con mông vai nở, ngực sâu, lưng thẳng, hoạt bát, bốn chân chắc khỏe.
- Phù hợp với đặc điểm giống, khi heo đạt khối lượng 7-10 kg.
- Tốt nhất ta nên mua heo cái và heo đực giống từ các trang trại ở các vùng khác nhau để tránh đồng huyết.
- Đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc-xin phòng bệnh.
- Loại bỏ những con sinh sản kém, gầy yếu,...

IV. CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Chuồng trại

1.1 Vị trí

- Chuồng được xây trên nền đất cao ráo, thoáng mát, không bị ngập úng, dễ thoát nước. Có nơi xử lý phân, chất thải chăn nuôi (xử lý chất thải nên áp dụng phương pháp xử lý Biogas hoặc đệm lót sinh học). Không nên làm chuồng chung với các gia súc, gia cầm khác để tránh lây truyền bệnh.
- Chuồng nuôi phải tránh xa khu dân cư, gần nguồn nước ngọt và sạch.
- Khu vực nuôi phải có chỗ được che (hoặc có tán cây) và có chỗ được chiếu sáng tự nhiên.

1.2 Hướng chuồng

- Chuồng phải đảm bảo thoáng mát về mùa hè và ấm về mùa đông.
- Hướng chuồng theo hướng Đông Nam.

1.3 Diện tích chuồng

- Heo thịt: 4-6m²/1-2 con.
- Đực giống: 5-7 m²/1con.
- Heo hậu bị sinh sản: 3-4 m²/1 con.
- Heo nái đẻ, nuôi con: 8-10 m²/1 con.

1.4 Nền chuồng

- Nền chuồng phải chắc chắn và cao hơn mặt đất khoảng 30-45 cm.
- Có độ dốc phù hợp (2-3%) để tránh ẩm ướt, ngập úng.

1.5 Máng ăn, máng uống

Được thiết kế cố định, giúp cho việc dọn dẹp, bảo đảm vệ sinh. Máng ăn, máng uống có chiều cao thích hợp từ 13-20cm; đáy máng rộng 20-30cm; chiều dài máng 1,8-2,0m. Có thể làm bằng bê tông cố định vào tường. Nếu xây máng

nguồn

cố định thì đáy máng phải cao hơn nền chuồng 5-10cm, có lỗ thoát nước để vệ sinh.

2. Thức ăn

Thức ăn cho heo rừng lai thông thường: 50% là thức ăn xanh, rau, củ, quả các loại (trồng và tự nhiên), 50% là thức ăn hỗn hợp, bổ sung cám gạo, bắp, tấm,... Mỗi ngày cho ăn 2 lần (sáng, chiều).

* Bảo quản thức ăn

- Thức ăn sau khi mua về hoặc phối trộn phải được bảo quản nơi khô, mát có mái che, cần được kê cao để tránh bị nhiễm ẩm, gây mốc.

- Tránh để chuột, gián... phá hỏng thức ăn.

* Sử dụng thức ăn

- Khi mua thức ăn công nghiệp, cần chú ý đến ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì, kiểm tra kỹ về chất lượng.

- Khi tận dụng các loại rau, củ, quả, cần chú ý tránh bị thối, dập nát,....

- Không nên thay đổi loại thức ăn một cách đột ngột mà chuyển dần trong vài ngày bằng cách giảm dần loại thức ăn cũ và tăng dần loại thức ăn mới. Việc thay đổi thức ăn đột ngột có thể làm heo kém ăn, giảm sức đề kháng, dễ nhiễm bệnh.

3. Chăm sóc nuôi dưỡng

3.1 Chuẩn bị chuồng nuôi trước khi nhập heo

- Có rào ngăn không cho vật nuôi khác vào khu vực chăn nuôi.

- Cần quét dọn, thu gom toàn bộ rác, chất thải chăn nuôi, chất độn chuồng để tiêu hủy. Phun thuốc sát trùng định kỳ 1 lần/ngày toàn bộ chuồng nuôi và khu vực xung quanh...trong 1 tuần đầu tiên; 3 lần/tuần trong 2-3 tuần tiếp theo.

- Phát quang toàn bộ cây, cỏ khu vực xung quanh chuồng trại, rải vôi bột hoặc sử dụng dung dịch vôi 1% phun toàn bộ khu vực xung quanh chuồng nuôi và bên ngoài trại.

3.2 Heo hậu bị

- Cho heo uống nước tự do, nguồn nước sạch.

- Thức ăn theo khẩu phần.

Bảng 1: Thức ăn cho heo hậu bị/ngày

Khối lượng heo (kg)	Thức ăn hỗn hợp (kg/con/ngày)	Thức ăn thô xanh (kg/con/ngày)	Số bữa ăn/ngày
10-20	0,5	0,8-1,0	2
20-40	0,8	1,2-1,5	2
>40	1,0	Tự do	2

Nguyễn

- Hàng ngày phải vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ.
- Chuồng nuôi đảm bảo thoáng mát, nhiệt độ thích hợp.
- Tẩy giun sán vào đầu kỳ khi heo đạt khối lượng 7-10 kg và trước khi phối giống.
- Tiêm phòng đủ các loại vắc-xin theo quy định để phòng bệnh cho heo.

3.3 Heo thịt

- Hàng ngày phải vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống.
- Cho heo uống nước tự do, nguồn nước sạch.
- Sử dụng thức ăn hỗn hợp cho ăn tự do, bổ sung thêm cám gạo, bắp, tấm,..
- Mật độ nuôi 4-6 m²/1-2 con.
- Tiêm phòng vắc-xin, tẩy giun sán định kỳ.

3.4 Heo nái chờ phối và nái chữa

- Cho heo uống nước tự do, nguồn nước sạch.
- Thức ăn theo khẩu phần.

Bảng 2: Thức ăn cho heo nái chờ phối và nái chữa

Giai đoạn mang thai	Thức ăn hỗn hợp (kg/con/ngày)	Thức ăn hỗn hợp có thể điều tiết (kg/con/ngày)
Chửa kỳ 1 (84 ngày)	1,0	1,0-1,2
Chửa kỳ 2 (ngày 84 đến 110)	1,5	1,5-2,0
Ngày chữa 111, 112, 113	1,0	1,0
Ngày cắn ổ đẻ	0,5 (hoặc nhịn)	0,5 (hoặc nhịn)
Nước uống	Tự do	Tự do

*** Lưu ý:**

- Số lượng thức ăn cho heo nái chữa kỳ 2 tăng hơn 25-30% so với chữa kỳ 1. Trước khi đẻ 2 ngày giảm lượng thức ăn của heo nái, đặc biệt thức ăn thô xanh.
- Hàng ngày phải vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống.
- Mức ăn trong ngày của heo nái chữa còn phụ thuộc vào thể trạng heo nái (có thể tăng hoặc giảm lượng thức ăn) nhưng phải đảm bảo đủ thức ăn thô xanh.

3.5 Heo nái nuôi con

- Cho heo uống nước tự do, nguồn nước sạch.
- Thức ăn theo khẩu phần.

Bảng 3: Thức ăn cho heo nái nuôi con

Giai đoạn nuôi con	Lượng thức ăn/con/ngày	
	Thức ăn hỗn hợp (kg)	Thức ăn thô xanh (kg)
Ngày cắn ổ đẻ	0,3-0,5	Không
Sau đẻ:		
Ngày thứ 1	0,3	0,5
Ngày thứ 2	0,5	1
Ngày thứ 3	1,0	1-1,5
Ngày thứ 4 đến thứ 7	1,2	Tự do
Ngày thứ 8 đến cai sữa	1,5-2,0	Tự do

- Cần tiêu độc, sát trùng và để trống chuồng 7-10 ngày sau mới đưa heo vào.

- Dùng rơm hoặc lá cây khô vào trong chuồng đẻ heo mẹ tạo ổ đẻ.

- Nhiệt độ thích hợp cho heo con sơ sinh trong 3 ngày đầu là 30-32⁰C, sau đó giảm dần cho đến khi cai sữa.

- Lượng thức ăn tăng dần từ ngày thứ 1 đến ngày thứ 7. Từ ngày thứ 8 trở đi cho heo nái ăn theo khả năng và không hạn chế.

3.6 Heo con theo mẹ

- Tiêm sắt cho heo con: Tiêm cho heo con 200mg sắt trong một lần tiêm khi chúng được 1-3 ngày tuổi hoặc trong hai lần tiêm, mỗi lần 100 mg, tiêm một mũi khi chúng được 1-3 ngày tuổi và một mũi nữa trước khi cai sữa.

- Cho heo con tập ăn khi 15-20 ngày tuổi, cho ăn nhiều lần trong ngày.

3.7 Heo con sau cai sữa

- Đảm bảo ô chuồng được rửa sạch và sát trùng.

- Đảm bảo cho heo trong cùng một chuồng nuôi có độ đồng đều về khối lượng và ngày tuổi.

- Không nhốt heo quá 30 con/ô chuồng.

mtb

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Sự, 2010. *Quy trình kỹ thuật chăn nuôi heo rừng*. Bộ Nông nghiệp và PTNT (Viện chăn nuôi).
2. Nguyễn Lâm Hùng, Nguyễn Khắc Tích, Nguyễn Thái Bình, Đặng Ngọc Lý, Hồ Quang Sắc, 2006. *Kỹ thuật nuôi lợn rừng (heo rừng)*. NXB Nông nghiệp.

mp/mb



HƯỚNG DẪN

Quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà ác

(Kèm theo Công văn số 4410./SNN-PTNT ngày 30 tháng 11 năm 2020
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh)

I. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC

- Gà ác sống thành đàn, ăn tạp, có tầm vóc nhỏ đã được thuần hóa và nuôi dưỡng. Đặc trưng của giống là bộ lông trắng không mượt nhưng toàn bộ da, mắt, thịt, chân và xương đều đen, chân có 5 ngón, tính hiền lành, sức chống chịu cao, chịu nóng tốt nhưng chịu rét kém, thịt ngon, giàu chất dinh dưỡng dùng để bồi dưỡng sức khỏe như một vị thuốc. Có khả năng chuyển hóa thức ăn tốt so với các thú khác. Tốc độ sinh sản và sinh trưởng nhanh; sản phẩm thịt, trứng có giá trị dinh dưỡng cao.

- Gà con mới nở có thân nhiệt chưa ổn định, thân nhiệt thấp hơn gà trưởng thành (38°C), khả năng điều tiết thân nhiệt kém. Gà con có lông tơ mỏng manh và khả năng sinh nhiệt kém nên dễ mất nhiệt, giảm thân nhiệt và chết vì lạnh; vì vậy, cần phải sưởi ấm cho gà con. Ngay trong tuần đầu, gà con phải tập làm quen với thức ăn, nước uống và các điều kiện ngoại cảnh rất khác biệt so với môi trường ấp nhằm giúp gà hoàn thiện các chức năng sinh lý để chống sinh trưởng, phát triển tốt.

II. CHỌN GIỐNG

- Chọn nơi cung cấp giống có uy tín.
- Chọn gà đồng đều về trọng lượng, nhanh nhẹn, mắt sáng, bụng gọn.
- Tránh chọn những con khô chân, vẹo mỏ, khoèo chân, hở rốn, lỗ huyết bết lông, cánh xệ.

- Gà con 1 ngày tuổi có trọng lượng từ 16 g-18 g, gà trên 4 tháng tuổi có trọng lượng từ 640 g-760 g, tuổi đẻ trứng 110-120 ngày tuổi, sản lượng trứng 70-80 trứng/mái/năm.

III. CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Chuồng trại

1.1 Vị trí

- Chọn nơi cao ráo, thoáng mát, thuận lợi cho việc cung cấp điện, nước.
- Thuận lợi đường giao thông để đảm bảo vận chuyển giống, vật tư, thức ăn và sản phẩm của hộ hoặc trại.
- Xử lý chất thải như: kết hợp nuôi cá hoặc hầm biogas, đệm lót sinh học.

Handwritten signature

- Không nên làm chuồng chung với vật nuôi khác.

1.2 Hướng chuồng

- Chuồng phải đảm bảo thoáng mát về mùa hè và ấm về mùa đông.
- Hướng chuồng theo hướng Đông Nam.

1.3 Mật độ

Mật độ nuôi úm từ 1 ngày tuổi đến 2 tuần là 50 con/m², từ 3-5 tuần tuổi là 25 con/m².

1.4 Nền chuồng sử dụng đệm lót sinh học

Nguyên liệu làm đệm lót: trấu, mùn cưa, cám gạo, men vi sinh.

* Phương pháp làm đệm lót với nguyên liệu kết hợp trấu và mùn cưa:

Thực hiện làm đệm lót cho 100 con gà, với diện tích 10 m² nền chuồng theo các bước sau:

Độ dày đệm lót 15 cm-20 cm.

Đem 400g chế phẩm sinh học BALASA N01 trộn đều 2 kg-3 kg cám gạo, cho thêm 1,5 lít-2 lít nước, xoa cho ẩm đều cho vào túi hoặc thùng và để chỗ ẩm ủ trong 2 ngày.

Bước 1: Rải lớp trấu dày 8 cm-12 cm lên nền chuồng sau đó rải tiếp 7 cm-8 cm mùn cưa.

Bước 2: Nếu mùn cưa khô, phun nước sạch đều lên trên lớp mùn cưa sao cho mùn cưa có độ ẩm 20% (dùng tay bốc một nắm mùn cưa, quan sát thấy hạt mùn cưa bị thấm ẩm nhưng vẫn to rời là được).

Bước 3: Quan sát bề mặt chuồng khi thấy phân rải kín, ta dùng cào cào sơ qua lớp mặt đệm lót. Rắc đều chế phẩm men lên toàn bộ bề mặt đệm lót. Sau đó dùng tay đảo trên mặt để men được phân tán đều khắp.

* **Chú ý:** Sau 1-2 ngày cào trên bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân sẽ được phân hủy nhanh hơn. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng.

1.5 Máng ăn, máng uống

- Giai đoạn 1-3 ngày tuổi rải thức ăn trên giấy lót trong quây úm.
- Từ 4-14 ngày cho ăn bằng máng ăn gà con.
- Khi gà trên 15 ngày cho ăn máng treo có kích thước 3 cm x 50 cm x 80 cm.
- Đặt máng ăn và máng uống xen kẽ, phải thường xuyên điều chỉnh độ cao của máng để gà ăn một cách thoải mái và tránh rơi vãi thức ăn.

1.6 Quây úm

Kích thước 2 m x 1 m (dài x rộng) nuôi úm 100 con gà.

nguồn

1.7 Dụng cụ

Các dụng cụ chăn nuôi như máng ăn, máng uống.... phải được tẩy rửa, phun thuốc sát trùng và phơi khô. Xung quanh chuồng chuẩn bị hệ thống bạt che, các bạt này cũng phải được khử trùng, xác định diện tích nền chuồng để bố trí lồng úm cho thích hợp.

2. Thức ăn

Sử dụng thức ăn công nghiệp.

Bảng nhu cầu dinh dưỡng

Stt	Chỉ tiêu	0-3 tuần tuổi	4-8 tuần tuổi
1	Năng lượng trao đổi (Kcal)	2750	2750
2	Protein thô (%)	18	16
3	Canxi (%)	1	1,10
4	Photpho(%)	0,70	0,70

* Bảo quản thức ăn:

Bảo quản nơi khô, mát có mái che, tránh chuột, gián... phá hỏng thức ăn.

* Chú ý:

- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì, sử dụng đúng loại thức ăn cho đúng chủng loại gà.

- Không nên thay đổi loại thức ăn một cách đột ngột mà thay đổi từ từ bằng cách giảm dần loại thức ăn cũ và tăng dần loại thức ăn mới.

- Cho ăn nhiều lần trong ngày, không để thức ăn thừa rồi đổ thức ăn mới lên dẫn đến dễ bị ô nhiễm mầm bệnh phát triển gây tiêu chảy, ngộ độc.

3. Chăm sóc nuôi dưỡng

3.1 Giai đoạn (0-7 tuần)

3.1.1 Giai đoạn úm (0-3 tuần)

- Cần sưởi ấm chuồng nuôi 1-2 giờ trước khi thả gà vào. Thả ngay gà vào chuồng úm khi vừa về đến.

- Sau khi thả gà vào cho gà uống nước có pha Vitamin tổng hợp, Vitamin C, đường Glucoza. Sau 3 giờ bắt đầu cho ăn.

- Sưởi ấm cho gà bằng bóng đèn (01 bóng đèn 75W cho 1 m² chuồng úm).

nguyen

*** Yêu cầu nhiệt độ quay úm, chuồng nuôi**

Stt	Ngày tuổi	Nhiệt độ lồng úm (°C)
1	0-3	33
2	4-7	31-32
3	8-14	30
4	15-21	Nhiệt độ môi trường

*** Chú ý:**

Quan sát thấy nếu gà nằm tụ quanh bóng đèn là gà bị lạnh, tản xa bóng đèn là nóng, nằm tụ ở góc chuồng là bị gió lùa và gà đi lại ăn uống tự do là nhiệt độ thích hợp. Thường xuyên quan sát biểu hiện của đàn gà để kịp xử lý những bất thường xảy ra.

- Ánh sáng: Giai đoạn gà từ 1-3 tuần chiếu sáng 24/24 giờ.

- Lượng thức ăn: 7-10 g/con/ngày.

3.1.2 Giai đoạn gà thịt (4-7 tuần)

- Sau 3 tuần tuổi gà được thả tự do ra chuồng nuôi.

- Mật độ nuôi: 25 con/m².

- Giai đoạn này có thể kết hợp nuôi chăn thả để gà tận dụng thêm thức ăn sẵn có trong tự nhiên, gà được vận động nhiều tăng cường sức khoẻ.

- Ánh sáng: sử dụng ánh sáng tự nhiên.

- Lượng thức ăn: 15-25 g/con/ngày.

- Gà nuôi được 5 tuần tuổi là có thể bán thịt, trọng lượng khoảng 150-200 g/con.

3.2 Giai đoạn gà hậu bị (8-15 tuần)

Giai đoạn này ảnh hưởng đến khả năng sinh sản, cần có chế độ chăm sóc nuôi dưỡng hợp lý để đảm bảo đàn duy trì sức khoẻ tốt, mức độ đồng đều cao.

- Mật độ nuôi: 8-10 con/m².

- Cho gà ăn hạn chế với thức ăn có mức dinh dưỡng thấp tránh để gà mập sẽ dẫn đến ảnh hưởng khả năng sinh sản sau này, đảm bảo 10-12 con/máng đôi với máng dài, máng tròn 15-16 con/máng. Máng uống 10-12 con/máng.

- Ánh sáng: sử dụng ánh sáng tự nhiên.

- Lượng thức ăn: 30-45 g/con/ngày.

- Lượng thức ăn bổ sung theo phương thức bán thâm canh cho giai đoạn này bằng khoảng 60-80% lượng thức ăn ở phương thức nuôi nhốt tùy theo nguồn thức ăn sẵn có (cho ăn 2 lần/ngày).

3.3 Giai đoạn sinh sản (sau 16 tuần)

- Chuồng nuôi: phải đảm bảo sạch sẽ, độn chuồng dày 15 cm-20 cm bằng trấu và mùn cưa, có rèm che để tránh mưa tạt; ổ đẻ đổ trấu mới dày 10 cm-12 cm, tránh để ánh sáng chiếu trực tiếp vào ổ đẻ.

- Ánh sáng: tăng độ chiếu sáng lên 16 giờ/ngày, bắt đầu bật bóng thấp sáng từ 6 giờ chiều đến 10 giờ đêm (cường độ ánh sáng 3 W/m² chuồng nuôi).

- Chọn lọc gà và mật độ nuôi: chọn gà mái để có biểu hiện phát dục bằng độ sáng bóng của lông, mào, tích, bộ lông áp sát vào thân, không đưa gà khuyết tật để nuôi đẻ. Mật độ nuôi 4-5 con/m². Tỷ lệ ghép phối là 1 gà trống/10 gà mái.

- Thức ăn và nước uống:

+ Sử dụng thức ăn gà đẻ, bổ sung thêm canxi, photpho, khoáng, rau xanh. Có thể sử dụng 8-10 % thóc mầm trong thức ăn để tăng khả năng sinh sản và tỷ lệ có phôi cao.

+ Khi gà đẻ cao phải tăng lượng thức ăn. Lượng thức ăn/ngày: gà trống 60-70 g/con/ngày, gà mái 40-57 g/con/ngày.

+ Nước uống phải thường xuyên đủ và sạch.

* Chú ý:

Vào những ngày mưa ẩm không nên thả vì gà sẽ dễ bị nhiễm bệnh, thu trứng thường xuyên để đảm bảo trứng sạch và tránh bị dập vỡ./.

nguồn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gà năm 2009. NXB Nông nghiệp.
2. <https://caytrongvatnuoi.com/chan-nuoi-ga/ky-thuat>.
3. <http://nong-dan.com/nuoi-ga-ac-de-trung-ky-thuat-nuoi-ga-ac/>.
4. <http://www.vietlinh.vn/chan-nuoi/ga-ac.asp>.
5. [nhút](https://vi.wikipedia.org/wiki/)



HƯỚNG DẪN

Quy trình kỹ thuật nuôi chim cú

(Kèm theo Công văn số 2430/SNN-PTNT ngày 30 tháng 11 năm 2020
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh)

I. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC

- Chim cú đã được thuần hóa nuôi dưỡng từ lâu nhưng còn mang nhiều đặc tính hoang dã. Đáng chú ý là vẫn sợ tiếng động, tiếng ồn, thường bay lên va vào thành lồng có thể dẫn đến chết.

- Thị giác rất phát triển nên chúng có khả năng nhận biết và chọn lọc thức ăn cao, nhưng vị giác và khứu giác lại kém phát triển nên khó nhận biết mùi vị thức ăn. Vì vậy, cú rất dễ bị ngộ độc thức ăn do ăn phải thức ăn ôi, mốc.

- Chim thịt chỉ nuôi trong 40-45 ngày, chim mái chỉ 45 ngày đã đẻ trứng.

- Ngày nay, chim cú nuôi nhốt, cho ăn đầy đủ, chăm sóc tốt cho sản lượng trứng 300-360 trứng/năm, có con đến 400 trứng/năm. Tỷ lệ đẻ trung bình đến 80-90%, khối lượng trứng trung bình 10-15 g/trứng. Tuổi bắt đầu đẻ trứng khoảng 40 ngày, thời gian đẻ trứng kéo dài từ 14-18 tháng.

- Chim cú đã mất tính đòi ấp tự nhiên nên chúng đẻ trứng liên tục trong năm. Thời gian ấp nở là 17 ngày.

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG

1. Chim cú Nhật Bản

- Lông màu hồng gạch, con cái lông ngực xám hồng và có những chấm đen.

- Cút mái to hơn cút trống. Cút mái có dáng thanh tú, cổ vừa phải, mắt linh hoạt, lông mượt và sáng. Cút trống ngực nở, đầu khoẻ và chắc chắn.

- Khả năng phối giống của chim cú đực yếu nên tỉ lệ chim đực trong đàn thường cao (1trống/2,5-3,0 mái).

- Cút thịt nuôi đến 40-45 ngày tuổi có thể bán, nặng 100-110g, nuôi tốt có thể nặng 120-130g.

- Cút mái đẻ 300-360 trứng mỗi năm (có ngày đẻ 2 trứng), trứng chim cú nặng 12-16 g.

- Tỉ lệ đẻ của đàn mái cao, bình quân tới 85-90%.

2. Chim cú Mỹ

- Chim cú có màu lông cánh sẫm, một số con màu hồng nhạt.

- Cút con khoẻ mạnh, có tỉ lệ nuôi sống khoảng 92-95%.
- Trọng lượng lúc 6 tuần tuổi 232 -241g.
- Nuôi đến 6 tuần tuổi, tiêu tốn 692-706 g thức ăn cho mỗi con cút.
- Chim cút mái đẻ được 123-129 trứng trong 6 tháng, tỉ lệ đẻ bình quân là 67% và 72%.
- Khối lượng trứng ở tháng đầu là 10-11g, đến tháng thứ ba là 11-13 g/trứng.
- Đây là giống có năng suất thịt cao.

III. CHỌN GIỐNG

- Chọn mua từ những cơ sở sản xuất giống bố mẹ có uy tín.
- Chim con mới nở lông có màu đặc trưng của giống, đồng nhất, bông, xốp, mắt sáng, nhanh nhẹn, khối lượng sơ sinh lớn, cứng cáp, dáng đi vững vàng, phản xạ nhanh nhẹn, bụng thon, rốn kín.
- Cần loại những cá thể có khuyết tật về ngoại hình như ủ rũ, khoèo chân, hở rốn, bụng to, vẹo mỏ, hậu môn dính phân, lông bết...
- Con trống khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, lông da bóng mượt, thân hình gọn, đầu nhỏ, mỏ ngắn, cổ dài, ngực nở, lông ngực vàng, 25 ngày tuổi nặng 70-90 g.
- Con mái có đầu thanh, cổ nhỏ, lông da bóng mượt, lông ngực có đốm trắng đen, xương chậu rộng, hậu môn nở, đỏ hồng, mềm mại... khối lượng lớn hơn con trống.

VI. CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Chuồng trại

1.1 Vị trí

- Chọn nơi cao ráo, thoáng mát, thuận lợi cho việc cung cấp điện, nước.
- Thuận lợi đường giao thông để đảm bảo vận chuyển giống, vật tư, thức ăn và sản phẩm của hộ hoặc trại.
- Xử lý chất thải như: kết hợp nuôi cá hoặc hầm biogas, đệm lót sinh học.
- Chuồng nuôi phải được xây dựng ở nơi yên tĩnh, cách xa những nơi ồn ào, nhiều tiếng động.
- Không nên làm chuồng chung với các gia súc, gia cầm khác.

1.2 Hướng chuồng

- Chuồng phải đảm bảo thoáng mát về mùa hè và ấm về mùa đông.
- Hướng chuồng theo hướng Đông Nam.

1.3 Mật độ

Mật độ thích hợp:

Tuần 1: 200-250 con/m².

Tuần 2: 150-200 con/m².

Tuần 3: 100-150 con/m².

Tuần 4-6: 50-100 con/m².

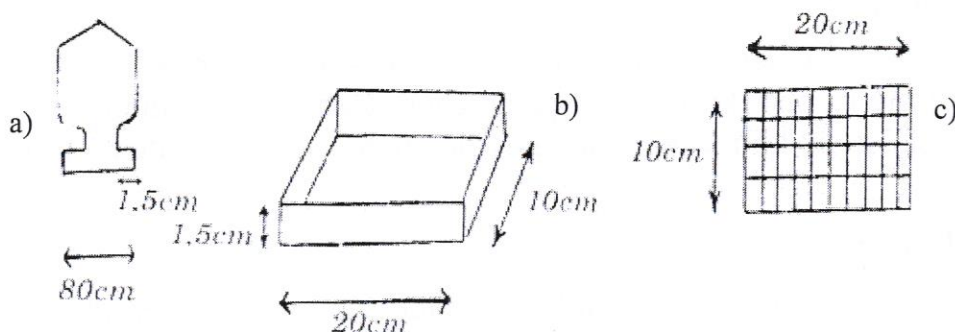
1.4 Máng ăn, máng uống

Thời kỳ nuôi con trong lồng úm dùng máng ăn kích cỡ 6 cm x 40 cm x 2 cm (rộng x dài x cao), tỷ lệ 3 máng/200 con.

Máng ăn cho chim cút trên 2 tuần kích thước 40 cm x 10 cm x 5 cm, có thể làm bằng gỗ, tôn hay nhựa. Máng được móc ở bên ngoài cửa chuồng để chim cút ăn.

Mặt trên máng ăn cần có lưới kích cỡ mắt 0,8 cm x 0,8 cm phủ lên tránh hiện tượng làm rơi vãi và tiêu hao thức ăn.

Giai đoạn úm dùng bình nước uống loại nhỏ, tỷ lệ 3 bình/200 con. Sau giai đoạn úm thay bình thành máng dài ở bên ngoài lồng.



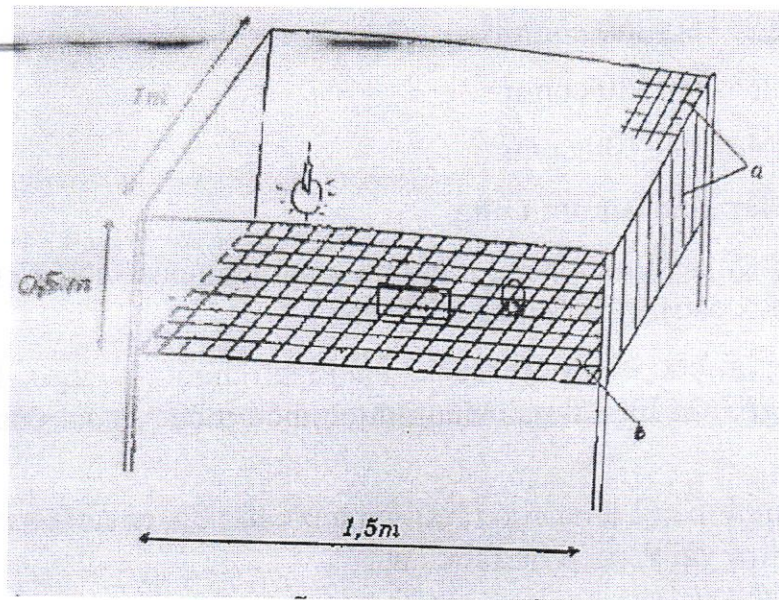
a. Bình nước uống; b. khay đựng thức ăn; c. Lưới chống chim con bới

Hình 1. Dụng cụ trong lồng úm

1.5 Lồng nuôi

- Lồng nuôi thường có 2 loại: lồng úm và lồng nuôi.
- Lồng úm: kích thước 1,5m x 1,0 m x 0,5 m (dài x rộng x cao) đặt cách mặt đất 0,5 m, xung quanh làm bằng lưới ô vuông 1 cm.
- Có thể úm trên nền trấu từ 7-10 ngày sau đó đưa lên lồng nuôi, quây úm cao 45 cm, đường kính 2 m có thể úm 600-1.000 con.
- Kết thúc giai đoạn úm chuyển sang lồng nuôi: Mỗi lồng có kích thước: 1,0 m x 0,5 m x 0,2 m, nuôi được 20-25 cút mái. Để tiết kiệm chuồng nuôi, người ta chồng các lồng lên nhau thành nhiều tầng, có thể đến 5-6 tầng, các tầng trên, dưới cách nhau 12-18 cm.

—ntrud



a. Lưới hoặc nẹp gỗ; b. Lưới có mắt 5 - 10 mm ở đáy.

Hình 2. Lồng úm

1.6 Dụng cụ

Các dụng cụ chăn nuôi như máng ăn, máng uống....phải được tẩy rửa, phun thuốc sát trùng và phơi khô. Xung quanh chuồng chuẩn bị hệ thống bạt che, các bạt này cũng phải được khử trùng, xác định diện tích nền chuồng để bố trí lồng úm cho thích hợp.

2. Thức ăn

Do có tốc độ tăng trọng nhanh, khả năng sản xuất cao nên thức ăn cho chim cút phải đảm bảo về số lượng và chất lượng.

Bảng 2: Nhu cầu dinh dưỡng

Chỉ tiêu	Giai đoạn		
	Chim con	Hậu bị	Sinh sản
Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	3.200	3.000	2.900
Đạm tối thiểu (%)	22	19	22
Canxi	1,34	0,70	2,5
Phốt pho	0,68	0,60	0,70

Handwritten signature

Bảng 3: Khẩu phần ăn

Ngày tuổi	Lượng thức ăn (g/con)	Trọng lượng cơ thể (g)
0	0	8
1-7	4	26
8-14	8	65
15-21	11	97
22-28	14	118
29-35	17	135
36-42	19	148
Trên 42	22-25	150-200

3. Chăm sóc nuôi dưỡng**3.1. Nuôi chim cú sinh sản****3.1.1 Giai đoạn úm (0-3 tuần tuổi)**

- Yêu cầu về nhiệt độ và độ ẩm: Sưởi ấm bằng bóng đèn hồng ngoại 50W có thể sưởi cho 300-500 chim con.

Bảng 1: Nhiệt độ thích hợp nuôi chim cú

Tuần tuổi	Nhiệt độ dưới chụp sưởi (°C)	Nhiệt độ trong chuồng (°C)	Độ ẩm
1-7	33 - 35	28-29	65-70%
8-14	30 - 32	28	
15-21	28 - 30	28	
22-28	Nhiệt độ môi trường	Nhiệt độ môi trường	

- Cần sưởi ấm chuồng nuôi 1-2 giờ trước khi thả chim vào (úm trên nền có lớp đệm chuồng là tốt nhất). Thả ngay chim vào chuồng úm khi vừa về đến.

- Sử dụng đường Glucoza, vitamin C, chất điện giải (theo tỷ lệ 1 g/1 lít nước) cho chim uống sau khi thả vào quây để cho chim hồi phục sau thời gian vận chuyển.

- Sau khi cho chim uống nước 2-3 giờ mới bắt đầu cho ăn, nên cho mỗi lần một ít thức ăn và cho ăn nhiều lần trong ngày để thức ăn luôn tươi mới, kích thích chim ăn được nhiều.

- Nước uống không nên quá lạnh hay quá nóng (nhiệt độ nước uống thích hợp là 20°C).

- Phải thường xuyên quan sát sự phân bố của đàn chim và kiểm tra nhiệt độ úm cho phù hợp. Tránh để bị gió lùa vào chuồng nuôi.

- Giai đoạn từ 3-4 ngày tuổi cần nới rộng quây úm diện tích thích hợp. Định kỳ 2-3 ngày nới rộng quây úm một lần cho đến khi hết diện tích.

- Trong tuần đầu nên cho ăn ít nhất 6-8 lần/ngày, trong tuần thứ 2 giảm còn 4-5 lần/ngày và dần thay thế khay ăn bằng máng ăn thích hợp.

*** Lưu ý:**

Quan sát trạng thái đàn chim trong thời gian nuôi úm, đàn chim phân bố đều trong quây, trong lồng nuôi, đi lại, ăn uống bình thường là nhiệt độ thích hợp.

3.1.2 Giai đoạn hậu bị (4-10 tuần tuổi)

- Cần cho ăn hạn chế, đáp ứng 70-80 % nhu cầu trong tình trạng đói (khi cần thiết cho ăn thật no, nhằm làm tăng độ đồng đều của đàn).

- Khi chuyển thức ăn phải chuyển từ từ.

- Phải đảm bảo độ thông thoáng chuồng nuôi, trong mùa nắng nên bố trí thêm quạt.

- Hàng ngày phải làm vệ sinh máng ăn, máng uống sạch sẽ, kiểm tra nước uống, đảm bảo cho chim luôn có đủ nước uống sạch và mát.

- Từ tuần 10 cho ăn tăng dần số lượng và chất lượng thức ăn để chuẩn bị vào đẻ.

- Từ tuần 11 chuyển sang thức ăn trước khi đẻ. Cần bổ sung thêm 1 máng sỏi/lồng, đường kính sỏi 1-2 mm, cần khử trùng trước khi bổ sung.

- Tỷ lệ ghép 2 trống/5 mái.

3.1.3 Giai đoạn đẻ trứng

- Để đạt năng suất cao, cần cung cấp cho chim đầy đủ và cân bằng các dưỡng chất. Khi chuyển thức ăn cần phải chuyển từ từ.

- Cần cung cấp đủ nước sạch và mát.

- Độ ẩm không khí là 65-70%.

- Thời gian chiếu sáng: 14-16 giờ (chiếu sáng bổ sung từ 18-22 giờ). Cường độ chiếu sáng 10-15 lux hoặc 1-1,5w/m² (nếu nuôi chuồng kín), 20-40 lux hoặc 2-4w/m² (nếu nuôi chuồng thông thoáng tự nhiên).

3.2 Nuôi thương phẩm

Kết thúc vỗ béo khi khối lượng đạt 150-250 g tùy giống, với thời gian khoảng 6 tuần tuổi.

3.2.1 Giai đoạn úm

Tương tự như giai đoạn úm chim cút sinh sản.

3.2.2 Giai đoạn từ 3 tuần tuổi đến khi xuất chuồng

Sau 3 tuần chuyển sang chế độ nuôi thịt. Khẩu phần thức ăn vỗ béo, nhu cầu năng lượng trao đổi thường ở mức cao, từ 2.900-3.100 kcal/kg, cho ăn, uống tự do cả ngày lẫn đêm. Mật độ nuôi trung bình là 50-70 con/m². Nuôi đến khoảng 40-50 ngày tuổi là có thể xuất bán. /

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hữu Đoàn, 2009. *Giáo trình Chăn nuôi đà điểu*. NXB Nông nghiệp.
2. Bùi Hữu Đoàn, 2010. *Nuôi và phòng trị bệnh cho chim cú*. NXB Nông nghiệp.
3. Võ Thị Ngọc Lan; Trần Thông Thái, 2006. *Nuôi cú*. NXB Nông nghiệp.
4. Đào Đức Long, 2002. *Sinh học về các giống gia cầm ở Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
5. Nguyễn Thị Mai, Bùi Hữu Đoàn, Hoàng Thanh, 2009. *Chăn nuôi gia cầm*. NXB Nông nghiệp.
6. Thanh Huyền. *Kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng bệnh cho chim cú*. NXB Hồng Đức.

mp/ucd